

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 85</p> <p>- Địa chỉ tại số 184 Nguyễn Sỹ Sách, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.</p> <p>- Điện thoại: 02383.844.782.</p> <p>- E-mail: banqlda85@gmail.com</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: _____</p> <p><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm dự án: <i>Thuộc địa phận 2 tỉnh Vĩnh Long và Thành phố Cần Thơ.</i></p>
E-ĐKC 1.11	<p>Ngày hợp đồng có hiệu lực: <i>Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.</i></p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu khác: <i>Không áp dụng.</i></p>
E-ĐKC 4.1	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: <i>Không áp dụng.</i></p>
E-ĐKC 5.1	<p>Các trường hợp khác: <i>Không áp dụng.</i></p>
E-ĐKC 7	<p>Loại hợp đồng: Trọn gói.</p>
E-ĐKC 8	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p><i>(1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</i></p>
E-ĐKC 10	<p>10.1. Tạm ứng</p> <p>- <i>Việc tạm ứng sẽ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp về tài khoản của Nhà thầu tư vấn theo số tài khoản nêu tại hợp đồng.</i></p> <p>- <i>Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn: Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, trên cơ sở kế hoạch vốn của dự án và đề xuất của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư sẽ cho Nhà thầu tư vấn tạm ứng với giá trị bằng 30% giá trị hợp đồng (không bao gồm dự phòng).</i></p> <p>- <i>Điều kiện để tạm ứng: Không áp dụng.</i></p> <p>- <i>Thu hồi tiền tạm ứng: Việc thu hồi tạm ứng được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025: Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ thu hồi tạm ứng tối thiểu bằng 35% giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu của đợt thanh toán đó, đảm bảo thu</i></p>

hồi hết khi giá trị giải ngân (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng đã ký.

10.2. Thanh toán

- Thanh toán: Chủ đầu tư sẽ nghiệm thu 100% hợp đồng khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành việc lập, trình nộp báo cáo thẩm tra theo quy định hợp đồng. Trên cơ sở nguồn vốn bố trí cho dự án, việc thanh toán cho Nhà thầu tư vấn sẽ được thực hiện theo 02 đợt như sau:

+ Đợt 1: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu tư vấn đến 80% phần giá trị hợp đồng sau khi nhà thầu tư vấn trình nộp đầy đủ các báo cáo thẩm tra theo quy định của Hợp đồng cho Chủ đầu tư.

+ Đợt 2: Chủ đầu tư sẽ thanh toán giá trị còn lại Sau khi nhà thầu tư vấn hoàn thành và trình nộp đầy đủ hồ sơ báo cáo thẩm tra cuối cùng và hồ sơ TKKT, dự toán của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: VND.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư sẽ hoàn thành các thủ tục và chuyển hồ sơ đề nghị thanh toán tới Kho bạc Nhà nước để thanh toán, tuy nhiên việc thanh toán phải phù hợp với kế hoạch bố trí vốn của dự án.

- Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng theo quy định về quản lý chất lượng công trình có ghi cả khối lượng).

+ Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành hoặc/và Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng.

+ Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị thu hồi tạm ứng (nếu có), giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các Khoản này.

10.3 Quyết toán hợp đồng.

- Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã

	<p>hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 10 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn. + Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có). + Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn. - Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất. - Trường hợp nhà thầu tư vấn không thực hiện quyết toán hợp đồng, Chủ đầu tư có văn bản gửi yêu cầu 03 lần đến nhà thầu tư vấn, nhưng nhà thầu tư vấn vẫn không thực hiện, chủ đầu tư sẽ căn cứ những hồ sơ thực tế đã thực hiện hợp đồng để lập hồ sơ quyết toán (không cần bao gồm quyết toán A-B) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhà thầu tư vấn chịu hoàn toàn tổn thất (nếu có) và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cấp có thẩm quyền.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 10 ngày.
E-ĐKC 13.2 (e)	<p>Các trường hợp khác:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên tắc điều chỉnh giá hợp đồng Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng áp dụng với trường hợp hợp đồng trọn gói. 2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, giá, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng:

- Trường hợp khi Nhà nước thay đổi chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng hoặc có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền thì việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng cho phần công việc bị ảnh hưởng và việc điều chỉnh thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành, hướng dẫn thực hiện.

- Điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện, hoặc công việc đã ký kết trong hợp đồng nhưng không thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần phải điều chỉnh hợp đồng thì trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được đề nghị điều chỉnh hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết Phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

- Việc điều chỉnh giá hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng.

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

+ +) Bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của Chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn;

	<p>++) <i>Thay đổi phạm vi công việc do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.</i></p> <p><i>Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì Chủ đầu tư và Nhà thầu vẫn thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì Chủ đầu tư và Nhà thầu vẫn chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.</i></p>
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: <i>Không áp dụng.</i>
E-ĐKC 17	<p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.</i> - <i>Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> - <i>Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: <i>Áp dụng.</i></p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,14% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: 40.000.000 VND. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: <i>Áp dụng.</i></p> <p>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i>
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:

	<p><i>Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 15 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:</i></p> <p><i>a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.</i></p> <p><i>b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo ĐKC 12 [Thời gian thực hiện hợp đồng] hoặc 10 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.</i></p> <p><i>c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.</i></p> <p><i>d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.</i></p> <p><i>đ) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại ĐKC 22 [Giải quyết tranh chấp].</i></p> <p><i>e) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.</i></p> <p><i>g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại ĐKC 18 [Trường hợp Bất khả kháng].</i></p> <p><i>Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.</i></p>
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <p><i>Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 28 ngày trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 15 ngày.</i></p> <p><i>b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo ĐKC 22 [Giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</i></p>

	<p><i>c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại ĐKC 22 [Giải quyết tranh chấp].</i></p> <p><i>d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 60 ngày.</i></p> <p><i>đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.</i></p>
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p><i>1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 30 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.</i></p> <p><i>Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.</i></p> <p><i>Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.</i></p> <p><i>2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.</i></p> <p><i>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày.</i></p> <p><i>Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.</i></p>

	<p><i>Giải quyết tranh chấp: là các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.</i></p> <p><i>3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.</i></p>
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: <i>Ban Quản lý dự án 85</i> <i>Số 184 Nguyễn Sỹ Sách, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.</i> <i>Điện thoại: 0383844782</i> <i>E-mail: banqlda85@mail.com</i></p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p>